

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HS-PT

Ngày: 17 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Lâm Triệu Hữu

- Thư ký phiên tòa: bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
bà Lê Thị Mỹ Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo Hoàng Chí Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Hoàng Chí Đ, sinh năm: 1971 tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: số 266/40/37/24, đường T, Phường H, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: chạy xe honda khách; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị L (chết); anh, chị, em ruột có 07 người; tiền sự: không.

- Tiền án:

+ Ngày 11/7/2008 (bị cáo lấy tên Nguyễn Ngọc T1), bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”

theo Bản án số 97/2008/HSST, chấp hành hình phạt xong vào ngày 27/3/2009, đóng án phí vào tháng 4/2020.

+ Ngày 17/7/2020, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 66/2020/HS-ST; chấp hành xong hình phạt vào ngày 23/3/2022; chấp hành án phí vào tháng 9/2020.

- *Nhân thân:*

+ Ngày 07/5/1986, bị Ủy ban nhân dân Thành phố H ra Quyết định đưa đi cải tạo tại Trường P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; thời hạn 02 năm, về hành vi “Cướp giết hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của công dân” theo Quyết định số 687/QĐ-UB.

+ Ngày 10/3/1990, bị Ủy ban nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa đi lao động tập trung tại Trường L1, tỉnh Sông Bé; thời hạn 12 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Quyết định số 183/QĐ-BBLĐ.

+ Ngày 21/5/1991, bị Công an quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh đưa đi cưỡng bức lao động tại Trường L1, tỉnh Sông Bé; thời hạn 18 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”.

+ Ngày 17/3/1993, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 61/HSST.

+ Ngày 08/11/1993, bị Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 259/HSST.

+ Ngày 15/11/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và 02 năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 1793/HSST, chấp hành xong hình phạt tháng 4/2000.

+ Ngày 14/12/2000, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 76/HSST.

+ Ngày 21/02/2003, bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ chí Minh xử phạt 03 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 13/HS-ST, chấp hành xong hình phạt vào ngày 06/8/2005, nộp án phí năm 2004.

+ Ngày 27/9/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 30 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 167/2010/HSST, chấp hành xong hình phạt vào năm 2012, nộp án phí xong vào tháng 12/2010.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, bị hại Đặng Thị Ngọc B không có kháng cáo, không bị kháng nghị hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20/8/2023, bị hại Đặng Thị Ngọc B điều khiển xe ô tô biển số 64A-107.89 hướng từ sân bóng đá Ngôi Sao thuộc khóm C, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đến tại tiệm thịt bò K, địa chỉ đường Đ cặp Công an P1 để mua thịt bò, khi đậu xe đi vào bên trong sạp thì bị hại B không có khóa xe, khoảng một phút sau bị hại B quay trở ra thì phát hiện điện thoại di động Iphone 13 màu trắng có trị giá là 18.000.000 đồng, mua cách đây khoảng 5 tháng để trên xe bị mất trộm. Sau khi phát hiện tài sản bị mất trộm, bị hại B có nghe được người phụ nữ (không biết tên) nói thấy được người nam thanh niên chạy xe mô tô biển số 59C3 - 258.03 lấy trộm. Sau đó, bị hại B đến trình báo cơ quan Công an và cung cấp mã Icloud điện thoại của bị hại B vừa bị trộm, bằng biện pháp nghiệp vụ cơ quan Công an xác định được hướng di chuyển của đối tượng nên đã phối hợp với Công an xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre truy bắt đối tượng. Đến khoảng 10 giờ 40 phút cùng ngày, bị cáo Đ bị lực lượng Công an xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre bắt giữ cùng vật chứng.

Kết quả điều tra xác định được vào rạng sáng ngày 20/8/2023, bị cáo Đ khi đang chạy trên đường từ Cần Thơ đến Trung tâm thành phố V. Khi đến khu vực bến xe P, bị cáo chạy ngang xe ô tô màu xanh nhìn thấy trong hộc giữa hàng ghế đầu tiên bên trong xe có để một chiếc điện thoại nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Lúc này, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 59C3-258.03 chạy vượt qua xe ô tô rồi dừng lại cách xe một đoạn, bị cáo đi bộ lại mở cửa xe bên lái và lấy điện thoại di động trong xe, sau đó bị cáo đi lại xe mô tô đang đậu nổ máy chạy đi.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 49 ngày 17/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố V, kết luận: điện thoại Iphone 13 màu trắng có giá trị 16.200.000 đồng.

Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã trả lại cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Về vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 59C3-258.03, đã qua sử dụng.
- 01 giấy đăng ký xe mô tô số 013368, biển số đăng ký 59C3-258.03.
- 01 căn cước công dân số 079071009126.
- 01 cây lắp sim bằng kim loại màu trắng.
- 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 túi đeo chéo bằng vải màu xám; 01 cái áo dài tay bằng vải màu xám; 01 cái quần dài bằng vải màu nâu.
- 01 điện thoại di động samsung, màu đen.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Chí Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Chí Đ 06 (sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 01 năm 2024, bị cáo Hoàng Chí Đ có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: xét thấy bị cáo có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại cố ý tiếp tục phạm tội, cụ thể vào năm 2008 bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt vào năm 2009; nhưng chưa đóng án phí, do đó chưa được xóa án

tích, đến năm 2019 bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử tại bản án số 66/2020/HSST ngày 17/7/2020, (bị cáo đóng án phí của bản án năm 2008 vào ngày 22/4/2020 là sau ngày phạm tội năm 2019) nên bản án năm 2020 bị cáo vẫn bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm, đồng thời tuyên phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trong thời gian chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 20/8/2023. Lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 03 tiền án là chưa chính xác, bản án năm 2010 xét xử bị cáo đã được xóa án tích, nhưng bản án sơ thẩm nhận định bản án năm 2010 chưa được xóa án tích để tính tái phạm đối với bản án năm 2020 là chưa đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa lại phần xác định tiền án cách tính tái phạm nêu trên đúng quy định của pháp luật là tiền án năm 2008.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; bản thân bị cáo có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản, có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính và bị xét xử nhiều bản án của nhiều địa phương khác nhau và khi quyết định hình phạt cho bị cáo cấp sơ thẩm cũng đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo để tuyên phạt bị cáo, mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Từ nhận định trên: căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Chí Đ 06 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/8/2023. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí

hình sự phúc thẩm. Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận và xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 20/8/2023, bị cáo Hoàng Chí Đ chạy xe mô tô biển số 59C3-258.03 từ thành phố Cần Thơ đến Trung tâm thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, khi đến khu vực bến xe P, thành phố V, bị cáo phát hiện xe ô tô màu xanh biển số 64A-107.89 của bị hại Đặng Thị Ngọc B đang đậu không có ai trông coi, bị cáo nhìn vào trong xe thấy chiếc điện thoại di động của bị hại B để trong hộc giữa hàng ghế đầu tiên nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đậu xe mô tô cách xe ô tô một đoạn, bị cáo đi bộ lại mở cửa xe bên lái rồi lấy điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng bỏ vào túi đeo chéo và lái xe bỏ chạy. Theo kết luận định giá tài sản số 49 ngày 17/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V, kết luận: điện thoại Iphone 13 màu trắng có giá trị 16.200.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; thấy rằng tại bản án số 66/2020/HS-ST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đã áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” để xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 23/3/2022 đến nay chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án xét xử nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo không tu chí làm ăn, quyết tâm sống tốt mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều này cho thấy sự

xem thường pháp luật của bị cáo; khi quyết định hành phạt cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để tuyên phạt bị cáo, mức án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Theo tra cứu hồ sơ tại Bản án 167/2010/HS-ST ngày 27/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã xét xử bị cáo 30 tháng tù, về hành vi “Cướp giật tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào năm 2012, nộp án phí xong vào tháng 12/2010. Do đó, bản án trên bị cáo đã được xóa án tích, cấp sơ thẩm nhận định bản án trên chưa được xóa án tích là chưa chính xác.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có căn cứ.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Chí Đ, nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Chí Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2024/HS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Chí Đ 06 (sáu) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2023.

Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Chí Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC + VKSNDTC: 02;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TP V: 02;
- VKSND + CQĐT TP V: 02;
- CQTHADS +THAHS TP V: 02;
- TG + BC: 02;
- PHSCAVL: 01;
- STP: 01;
- UBND, CA Phường H, Q.D, TPHCM: 02;
- Lưu VP, P.KTNV, lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Nùng